

DANH SÁCH SINH VIÊN **DỰ KIẾN ĐƯỢC NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ III, NĂM HỌC 2017 - 2018**

Đơn vị: Khoa Kinh tế và Quản lý công

STT	Khoá/Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
	2015												
1	Kinh tế đầu tư	1554020080	Hoàng Nguyễn Anh	Thư	220997	2015	ĐH	9.25	80	Giỏi	2,850,000	70%	1,995,000
2		1554020075	Nguyễn Thị	Thiện	141297	2015	ĐH	9.00	82	Giỏi	2,850,000	70%	1,995,000
3		1554020091	Cao Văn	Trị	150497	2015	ĐH	9.00	80	Giỏi	2,850,000	70%	1,995,000
4		1554020002	Lê Hoài	Anh	180497	2015	ĐH	8.75	92	Giỏi	2,850,000	70%	1,995,000
5		1554020013	Dương Huỳnh	Đào	240297	2015	ĐH	8.75	90	Giỏi	2,850,000	70%	1,995,000
6	Kinh tế quốc tế	1554020048	Lê Viết	Mạnh	010397	2015	ĐH	9.00	80	Giỏi	2,850,000	70%	1,995,000
7		1554020021	Nguyễn Thị Ngọc	Hằng	160897	2015	ĐH	8.88	80	Giỏi	2,850,000	70%	1,995,000
8		1554020096	Dương Thị Ngọc	Tuyết	100497	2015	ĐH	8.88	80	Giỏi	2,850,000	70%	1,995,000
9		1554020026	Phạm Thị Thu	Hiền	080297	2015	ĐH	8.50	80	Giỏi	2,850,000	70%	1,995,000
10		1554020053	Nguyễn Bùi Bá	Ngọc	300697	2015	ĐH	8.25	85	Giỏi	2,850,000	70%	1,995,000
11		1554020068	Lê Thị	Quỳnh	020997	2015	ĐH	8.25	80	Giỏi	2,850,000	70%	1,995,000
12		1554020085	Phan Thị Quỳnh	Trang	080897	2015	ĐH	8.25	80	Giỏi	2,850,000	70%	1,995,000
	2016												
13		1654020020	Hồ Thị Mỹ	Chi	200198	2016	ĐH	4.00	90	Xuất sắc	3,000,000	100%	3,000,000

STT	Khoá/Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
14	Kinh tế	1654020271	Nguyễn Hoàng	Yến	180398	2016	ĐH	4.00	81	Giỏi	3,000,000	70%	2,100,000
15		1654020151	Lê Cẩm	Nhung	311098	2016	ĐH	3.55	86	Giỏi	3,000,000	70%	2,100,000
16		1654020235	Bùi Thị Diễm	Trinh	300998	2016	ĐH	3.50	90	Giỏi	3,000,000	70%	2,100,000
17		1654020029	Trần Thị Thùy	Dung	160598	2016	ĐH	3.40	86	Giỏi	3,000,000	70%	2,100,000
18		1654020228	Nguyễn Huỳnh Mai	Trâm	081198	2016	ĐH	3.40	81	Giỏi	3,000,000	70%	2,100,000
19		1654020243	Phạm Huỳnh Thanh	Trúc	160398	2016	ĐH	3.35	84	Giỏi	3,000,000	70%	2,100,000
20		1654020003	Cao Quế	Anh	130898	2016	ĐH	3.35	80	Giỏi	3,000,000	70%	2,100,000
21		1654020005	Huỳnh Vân	Anh	210698	2016	ĐH	3.55	76	Khá	3,000,000	50%	1,500,000
22		1654020198	Nguyễn Thị	Thảo	170998	2016	ĐH	3.45	66	Khá	3,000,000	50%	1,500,000
23		1654020218	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	120298	2016	ĐH	3.15	80	Khá	3,000,000	50%	1,500,000
24		1654020084	Tạ Thị Lan	Hương	101098	2016	ĐH	3.05	86	Khá	3,000,000	50%	1,500,000
25		1654020184	Đỗ Thị Diễm	Quỳnh	071098	2016	ĐH	3.05	86	Khá	3,000,000	50%	1,500,000
26		1654020129	Phạm Thị Như	Mỹ	031198	2016	ĐH	3.00	88	Khá	3,000,000	50%	1,500,000
27		1654020215	Mai Thị Quý	Thương	020498	2016	ĐH	3.00	83	Khá	3,000,000	50%	1,500,000
28		1654020269	Trần Huỳnh Thảo	Vy	310398	2016	ĐH	3.00	75	Khá	3,000,000	50%	1,500,000
29		1654020038	Trần Thị Thùy	Duyên	061298	2016	ĐH	3.00	72	Khá	3,000,000	50%	1,500,000
30		1654020221	Trần Quốc	Tính	030198	2016	ĐH	3.00	71	Khá	3,000,000	50%	1,500,000
31		1654020255	Đinh Thị	Tươi	150698	2016	ĐH	3.00	71	Khá	3,000,000	50%	1,500,000
32		1654020200	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	160298	2016	ĐH	3.00	68	Khá	3,000,000	50%	1,500,000
33		1654020190	Nguyễn Hùng	Sinh	260498	2016	ĐH	2.95	97	Khá	3,000,000	50%	1,500,000

STT	Khoá/Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
	2017												
34	Kinh tế	1754020034	Lê Anh	Hào	070299	2017	ĐH	3.67	84	Giỏi	3,810,000	70%	2,667,000
35		1754020080	Nguyễn Bửu Chiêu	Nghi	041299	2017	ĐH	3.33	80	Giỏi	3,810,000	70%	2,667,000
36		1754020156	Huỳnh Trần Đan	Trinh	101299	2017	ĐH	3.33	76	Khá	3,810,000	50%	1,905,000
37		1754020064	Trần Thị Mỹ	Linh	060499	2017	ĐH	3.33	71	Khá	3,810,000	50%	1,905,000
38		1754020022	Trần Trường	Duy	201299	2017	ĐH	3.17	80	Khá	3,810,000	50%	1,905,000
39		1754020159	Phan Thị Kiều	Trinh	081199	2017	ĐH	3.17	70	Khá	3,810,000	50%	1,905,000
40		1754020119	Đinh Thoại	Tâm	151099	2017	ĐH	3.00	90	Khá	3,810,000	50%	1,905,000
41		1754020123	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	230599	2017	ĐH	3.00	90	Khá	3,810,000	50%	1,905,000
42		1754020181	Huỳnh Ngọc Tường	Vy	251199	2017	ĐH	3.00	88	Khá	3,810,000	50%	1,905,000
43		1754020096	Vũ Thị	Oanh	060399	2017	ĐH	3.00	86	Khá	3,810,000	50%	1,905,000
44		1754020108	Nguyễn Thị Thục	Quyên	080199	2017	ĐH	3.00	80	Khá	3,810,000	50%	1,905,000
45		1754020184	Nguyễn Ngọc Thúy	Vy	250599	2017	ĐH	3.00	71	Khá	3,810,000	50%	1,905,000
46		1754020020	Nguyễn Khánh	Duy	061299	2017	ĐH	3.00	70	Khá	3,810,000	50%	1,905,000
47		1754020146	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	150599	2017	ĐH	3.00	70	Khá	3,810,000	50%	1,905,000
48		1754040029	Phan Thành	Duy	140199	2017	ĐH	3.00	69	Khá	3,810,000	50%	1,905,000
49		1754020101	Tsân Duyên	Phụng	030699	2017	ĐH	3.00	66	Khá	3,810,000	50%	1,905,000
50		1754020171	Đặng Nguyễn Duy	Uyên	060199	2017	ĐH	3.00	66	Khá	3,810,000	50%	1,905,000
51		1754020026	Đặng Hồng	Đào	311299	2017	ĐH	2.83	80	Khá	3,810,000	50%	1,905,000
52		1754020165	Phan Huỳnh Thủy	Tuyên	310799	2017	ĐH	2.83	80	Khá	3,810,000	50%	1,905,000

STT	Khoá/Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
53	Kinh tế	1754020133	Chu Thị Mỹ	Thư	270499	2017	ĐH	2.83	70	Khá	3,810,000	50%	1,905,000
54		1754020092	Trần Ngọc	Nhi	030899	2017	ĐH	2.83	65	Khá	3,810,000	50%	1,905,000
55		1754020151	Hà Ngọc Châu	Trâm	080599	2017	ĐH	2.67	85	Khá	3,810,000	50%	1,905,000
56		1754020085	Huỳnh Thị Thảo	Nguyên	280399	2017	ĐH	2.67	80	Khá	3,810,000	50%	1,905,000
57		1754020127	Lê Trường	Thọ	270799	2017	ĐH	2.67	80	Khá	3,810,000	50%	1,905,000
58		1754020163	Nguyễn Công	Trường	190998	2017	ĐH	2.67	80	Khá	3,810,000	50%	1,905,000
59		1754020176	Phan Thị Tường	Vi	190599	2017	ĐH	2.67	80	Khá	3,810,000	50%	1,905,000
60		1754020093	Trần Yến	Nhi	270799	2017	ĐH	2.67	76	Khá	3,810,000	50%	1,905,000
61		1754020140	Phan Thị Mỹ	Tiên	110199	2017	ĐH	2.67	76	Khá	3,810,000	50%	1,905,000

Xuất sắc: 1 Sinh viên
 Giỏi: 21 Sinh viên
 Khá: 39 Sinh viên

Tổng cộng: 61 Sinh viên
 Tổng số tiền HBKKHT: 116,004,000 đồng
 (Bằng chữ: Một trăm mười sáu triệu, không trăm lẻ bốn ngàn đồng./.)